

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 40/2026/DS-PT
Ngày 09-01-2026
V/v: “Tranh chấp quyền sử dụng
đất và yêu cầu hủy GCNQSDĐ”

NHÂN DÂN NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Chương

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thế Hạnh và ông Dương Hà Ngân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tú – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:
Bà Vương Thị Bắc - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng (cơ sở 2) xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 453/2025/TLPT-DS ngày 18 tháng 11 năm 2025, về: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 45/2025/DS-ST ngày 03-10-2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 453/2025/QĐ-PT ngày 15-12-2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 479/2025/QĐ-PT ngày 30-12-2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Quốc H; địa chỉ: Số A, đường N, phường B, tỉnh Đắk Lắk - Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Phan Thị X; địa chỉ: Thôn A, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng (địa chỉ cũ: Tổ dân phố A, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông) - Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Bùi Thị D, địa chỉ: Tổ dân phố F N, phường B, tỉnh Lâm Đồng – Có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Lâm Đồng)

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu P; chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ – Đề nghị xét xử vắng mặt.

- Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Nguyễn Quốc H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Quốc H trình bày: Từ năm 1987 đến năm 1994, ông Nguyễn Quốc H sinh sống và công tác tại huyện Đ. Ngày 04-6-1994 Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số D0460927 cho ông Nguyễn Quốc H, đối với thửa đất số 200b, tờ bản đồ số 2, diện tích 3.645m², tại khối A, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Lắk (nay là thôn A, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng). Từ năm 1994 đến nay, do sinh sống ở xa, ông H không sử dụng đất nên bị các hộ dân liền kề lấn chiếm. Năm 2014 ông H đã chôn cọc bê tông (sát ranh giới thực tế hiện nay giữa hai bên) để tránh tình trạng các hộ liền kề tiếp tục lấn chiếm đất. Năm 2023 khi nhà nước có chủ trương giải tỏa mặt bằng để làm đường và yêu cầu ký xác nhận hiện trạng đất thì ông H biết bà Phan Thị X (có đất liền kề) lấn chiếm của ông H diện tích đất khoảng 441m². Ông H đã nhiều lần yêu cầu bà X trả lại phần đất lấn chiếm nhưng không được.

Vì vậy, ông H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà X phải trả lại phần đất lấn chiếm có diện tích khoảng 441m², thuộc thửa đất số 200b, tờ bản đồ số 2, tại khối A, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Sau khi Tòa án tiến hành đo đạc, xác định phần đất tranh chấp có diện tích 433,3m², nên ông Nguyễn Quốc H rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu Tòa án buộc bà Phan Thị X phải trả lại diện tích đất 433,3m².

2. Bị đơn bà Phan Thị X trình bày: Năm 1979, bà X đến dạy học tại huyện Đ. Năm 1986 hộ bà X được nhà nước cấp 1000m² đất tại tổ dân phố A, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Ngoài gia đình bà X còn có nhiều hộ giáo viên khác cũng được cấp đất gần đó. Phần đất của bà X được cấp gần với đất của Công ty C, ở giữa có vùng cây gỗ, dây leo, cỏ dại mọc làm ranh giới. Sau khi được cấp đất, gia đình bà X khai hoang thêm phần đất có các cây gỗ, dây leo, cỏ dại mọc, đến sát ranh giới đất của Công ty C. Giữa Công ty C với gia đình bà và các hộ liền kề đều sử dụng đất ổn định, có ranh giới rõ ràng, không tranh chấp từ năm 1986 đến nay, có các hộ liền kề làm chứng. Ranh giới đất giữa bà X với ông Nguyễn Quốc H có các cây thân gỗ, cây bụi, dây leo. Ngoài ra, ông H cũng tự chôn cọc bê tông vào sát ranh giới.

Năm 2023, khi nhà nước có chủ trương giải tỏa để mở đường đi qua đất thì ông H căn cứ vào GCNQSDĐ được cấp chồng lấn lên đất của bà X để khởi kiện cho rằng bà X chiếm đất là không đúng. Do đó, bà X không đồng ý yêu cầu khởi kiện ông H và có đơn yêu cầu hủy một phần GCNQSDĐ số D0460927 ngày 04-6-1994 đứng tên ông Nguyễn Quốc H, đối với phần chồng lấn lên đất bà X, thuộc thửa số 200b, tờ bản đồ số 2, tại khối A, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Lắk.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: UBND huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Lâm Đồng) trình bày: Trình tự, thủ tục cấp GCNQSDĐ số D 0460927 cho ông Nguyễn Quốc H, đối với thửa đất số 200b, tờ bản đồ số 2, tại thị trấn Đ, huyện Đ là đúng quy định của Luật đất đai và các quy định tại thời điểm cấp GCNQSDĐ. Do đó, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

4. Người làm chứng ông Trần Bích V, ông Lê Vĩnh T, bà Nguyễn Thị N, ông

Phan G đều trình bày: Gia đình bà X đã trồng cà phê từ trước năm 1989 và sử dụng ổn định đến nay, không thay đổi ranh giới, không thấy ai tranh chấp. Từ năm 1989 đến năm 214, ông Nguyễn Quốc H không canh tác, sử dụng đất. Năm 2014 ông Nguyễn Quốc H mới cắm mốc bằng cột bê tông cả bốn phía xung quanh rẫy ông H.

5. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 45/2025/DS-ST ngày 03-10-2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Lâm Đồng đã căn cứ: Khoản 9 Điều 26; Điều 34; Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 157; Điều 200; Điều 227; Điều 228; Điều 229; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 của Luật số: 85/2025/QH15 ngày 25-6-2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 164, Điều 175, Điều 176 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 2 của Luật Đất đai năm 1993; Điều 31; Điều 137; Điều 138; Điều 236; Điều 237 của Luật đất đai năm 2024, quyết định:

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Quốc H về đối với diện tích đất 7,7 m² đã rút yêu cầu.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quốc H về yêu cầu bà Phan Thị X phải trả lại diện tích đất 433,3m², thuộc thửa đất số 200b, tờ bản đồ số 2, tại thôn A, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Phan Thị X: Hủy một phần GCNQSDĐ số D0460927 do UBND huyện Đ cấp ngày 04-6-1994 cho ông Nguyễn Quốc H, đối với phần đất theo Mảnh trích đo địa chính số 94-2024 ngày 30-7-2024 và Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất, diện tích 433,3m², tọa lạc tại xã Đ, tỉnh Lâm Đồng, có tứ cận: Phía Bắc giáp đất ông Nguyễn Quốc H dài 38,55m; phía Nam giáp đất bà Phan Thị X dài 42,44m; phía Đông giáp đất ông Phan G dài 12,4m; phía Tây giáp đất ông Lê Vĩnh T và ông Trần Bích V dài 12,36m.

- Buộc UBND xã Đ, tỉnh Lâm Đồng thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật đất đai hiện hành.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

6. Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 12-10-2025 nguyên đơn ông Nguyễn Quốc H kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quốc H và không chấp nhận yêu cầu của bà Phan Thị X về việc hủy một phần GCNQSDĐ.

7. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Quốc H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Các đương sự trình bày như tại giai đoạn sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu ý kiến: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Quốc H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Quốc H nộp trong hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét.

[2] Về nội dung:

[2.1]. Đối với nội dung kháng cáo buộc bà X phải trả lại phần đất tranh chấp, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[2.1.1]. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Quốc H trình bày đất tranh chấp có nguồn gốc khai phá và được UBND huyện Đ cấp GCNQSDĐ số D0460927 ngày 04-6-1994, thửa đất số 200B, tờ bản đồ số 2, diện tích 3.645m², tọa lạc tại khối A, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Lắk (nay là thôn A, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng). Từ năm 1994 đến nay, do sinh sống ở xa, không có điều kiện canh tác nên bị bà Phan Thị X (người sử dụng đất liền kề) lấn chiếm. Năm 2023 ông H biết bà X lấn chiếm diện tích khoảng 441m² (đo đạc thực tế là 433,3m²) nên ông H yêu cầu bà X phải trả lại diện tích 433,3m². Bị đơn bà Phan Thị X không thừa nhận lấn chiếm đất của ông H và trình bày: Từ năm 1986 đến nay, bà đến dạy học tại huyện Đ và được cấp khoảng 1.000m² đất, thời điểm đó đất hoang hóa còn nhiều nên bà khai hoang thêm phần đất có các cây gỗ, dây leo, cỏ dại mọc, đến sát ranh giới đất của Công ty C và sử dụng đất ổn định, có ranh giới rõ ràng, không tranh chấp. Ngày 25-7-2007 bà X được UBND huyện Đ cấp GCNQSDĐ số H050275, đối với thửa đất số 402, tờ bản đồ số 02, diện tích 1.815m². Ranh giới đất giữa đất bà X với đất ông H có hàng cọc bê tông do ông H tự chôn vào năm 2014.

[2.1.2]. Xét thấy, tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 08-5-2024 của Tòa án, ghi nhận: Ranh giới hiện nay giữa đất ông H và bà X có 08 cột mốc bê tông (do ông H đóng vào năm 2014); một hàng cây dây leo dạng bụi, 06 cây gỗ tạp đường kính gốc từ 10-15cm; trên phần đất tranh chấp có 04 hàng cà phê do bà X trồng từ năm 1986 - 1989. Như vậy, mốc, ranh giữa đất ông H với bà X là rõ ràng, ổn định từ trước năm 1989 đến nay. Đồng thời, lời khai của bà X hoàn toàn phù hợp với lời khai của người làm chứng ông V, ông T, bà N, ông G là người sử dụng đất lâu năm, có đất liền kề với đất bà X và ông H, khai: bà X là người trực tiếp canh tác, sử dụng đất tranh chấp ổn định từ năm 1989 đến nay (hơn 30 năm), ranh giới sử dụng đất rõ ràng với các hộ liền kề, không tranh chấp; đến năm 2023, khi nhà nước có chủ trương giải tỏa để mở đường đi qua đất thì ông H căn cứ vào GCNQSDĐ được cấp mới tranh chấp, cho rằng bà X lấn chiếm.

Mặt khác, ngày 04-6-1994 ông H được cấp GCNQSDĐ số D0460927 với diện tích 3.645m², là sau thời điểm bà X đã sử dụng đất tranh chấp (trước năm 1989) và ông H không quản lý, sử dụng thực tế phần đất tranh chấp từ thời điểm đó đến nay (Biên bản đối chất BL 40, Biên bản hòa giải BL 141, 142). Việc ông H không sử dụng đất là một trong những hành vi bị nghiêm cấm quy định tại khoản 3 Điều 12 của Luật đất đai năm 2013 (*Không sử dụng đất, sử dụng đất*

không đúng mục đích...). Ngoài ra, Điều 236 của Bộ luật Dân sự năm 2015, quy định: *"Người chiếm hữu, người được hưởng lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật nhưng ngay tình, liên tục, công khai trong thời hạn 10 năm đối với động sản, 30 năm đối với bất động sản thì trở thành chủ sở hữu tài sản đó, kể từ thời điểm bắt đầu chiếm hữu, trừ trường hợp Bộ luật này, luật khác liên quan quy định khác"*. Đối với bà X đã sử dụng, canh tác phần đất tranh chấp ổn định, công khai, liên tục hơn 30 năm, từ năm 1989 đến nay, có những người làm chứng xác nhận. Vì vậy, Bản án sơ thẩm tuyên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H về việc buộc bà X phải trả lại diện tích đất 433,3m² là có căn cứ, đúng pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của ông H.

[2.2]. Đối với nội dung kháng cáo yêu cầu không chấp nhận huỷ GCNQSDĐ số D0460927 ngày 04-6-1994 đã cấp cho ông Nguyễn Quốc H: Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[2.2.1]. Ngày 14-12-2023 bà X có đơn yêu cầu phản tố huỷ một phần GCNQSDĐ của ông H đối với diện tích đất tranh chấp 433,3m². Ngày 29-4-2025 Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông (nay là tỉnh Lâm Đồng) giải quyết theo thẩm quyền. Ngày 09-5-2025 Toà án nhân dân tỉnh Đắk Nông chuyển trả hồ sơ cho Toà án nhân dân huyện Đắk Mil tiếp tục giải quyết, lý do: Khi đương sự có yêu cầu huỷ GCNQSDĐ thì Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil phải xác minh, thu thập chứng cứ theo quy định của pháp luật. Trường hợp sau khi xác minh, thu thập chứng cứ đã đầy đủ mà nhận thấy có căn cứ phải tuyên huỷ GCNQSDĐ thì chuyển hồ sơ vụ án lên Toà án nhân dân cấp tỉnh để giải quyết theo thẩm quyền. Tuy nhiên, ngày 01-7-2025 do việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã (bỏ cấp huyện), sáp nhập tỉnh, thành lập Tòa án nhân dân khu vực có thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm đối với những vụ án liên quan đến GCNQSDĐ. Vì vậy, ngày 29-8-2025, Toà án nhân dân khu vực 8- Lâm Đồng xét xử vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Luật số: 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên số, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án, có hiệu lực từ ngày 01-7-2025.

[2.2.2]. Tại mục 1 phần III Công văn số 196/TANDTC-PC ngày 03-10-2023 của Toà án nhân dân tối cao, hướng dẫn: *"Cần xác định đề nghị huỷ GCNQSDĐ là yêu cầu của đương sự, không phải là yêu cầu khởi kiện, yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập. Khi giải quyết vụ việc dân sự liên quan đến việc huỷ GCNQSDĐ thì phải được Toà án xem xét, giải quyết trong cùng một vụ việc dân sự theo quy định tại Điều 34 của Bộ luật Tố tụng dân sự"*. Nhận thấy: Toà án cấp sơ thẩm xác định yêu cầu của bà Phan Thị X về việc huỷ GCNQSDĐ của ông Nguyễn Quốc H là yêu cầu phản tố là chưa chính xác, phải xác định là yêu cầu của đương sự. Tuy nhiên, Bản án sơ thẩm tuyên huỷ một phần GCNQSDĐ số D0460927 ngày 04-6-1994 đã cấp cho ông Nguyễn Quốc H, đối với phần đất tranh chấp và trả lại tạm ứng án phí cho bà X là có căn cứ. Đối với nội dung tuyên *"Buộc Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Lâm Đồng thực hiện nhiệm vụ, công*

vụ theo quy định của pháp luật đất đai hiện hành” là chưa phù hợp, do đây là vụ án dân sự tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông H và bà X, không phải vụ án hành chính, khởi kiện quyết định hành chính đối với UBND huyện Đ (Kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch UBND xã Đ). Trường hợp này, các đương sự có quyền liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện việc chỉnh lý biến động, cấp GCNQSDĐ đối với diện tích đất thực tế sử dụng theo quy định pháp luật.

[2.3]. Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Quốc H, giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm số 45/2025/DS-ST ngày 03-10-2025 của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Lâm Đồng nhưng cần tuyên án lại cho phù hợp, đảm bảo cho việc thi hành bản án.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không được chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo nên ông H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Quốc H. Giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm số 45/2025/DS-ST ngày 03/10/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Lâm Đồng.

Tuyên xử:

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Quốc H về yêu cầu bà Phan Thị X phải trả lại diện tích đất 7,7m² do ông H tự nguyện rút yêu cầu.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Quốc H về việc buộc bà Phan Thị X phải trả lại diện tích đất 433,3m², thuộc thửa đất số 200b, tờ bản đồ số 2, diện tích 3645m², tại khối A, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Lắk (nay là thôn A, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng).

- Chấp nhận yêu cầu của bà Phan Thị X: Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D0460927 ngày 04-6-1994 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp cho ông Nguyễn Quốc H, đối với diện tích đất 433,3m², tọa lạc thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (Nay là xã Đ, tỉnh Lâm Đồng), theo Mảnh trích đo địa chính số 94-2024 ngày 30-7-2024, phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất của Chi nhánh Văn Phòng Đ (Kèm theo Bản án), có tứ cận: Phía Bắc giáp đất ông Nguyễn Quốc H dài 38,55m; phía Nam giáp đất bà Phan Thị X dài 42,44m; phía Đông giáp đất ông Phan G dài 12,4m; phía Tây giáp đất ông Lê Vĩnh T và ông Trần Bích V dài 12,36m.

2. Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Quốc H phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng là 7.413.000đ (*Bảy triệu bốn trăm mười ba nghìn đồng*), được trừ vào số tiền 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*) tạm ứng chi phí tố tụng đã nộp; hoàn trả cho ông Nguyễn Quốc H số tiền còn lại là 2.587.000đ (*Hai triệu năm trăm tám mươi bảy nghìn đồng*) tại Tòa án nhân dân khu vực 8 – Lâm Đồng.

3. Về án phí sơ thẩm:

3.1. Ông Nguyễn Quốc H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001718 ngày 15-11-2023 tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện Đắk Mil (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng).

3.2. Hoàn trả cho bà Phan Thị X số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001795 ngày 05-01-2024 tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện Đắk Mil (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng).

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Quốc H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu nộp tạm ứng án phí phúc thẩm số 0005881 ngày 20-10-2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

5. *Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC (Vụ III);
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND khu vực 8 – Lâm Đồng;
- Phòng THADS KV 8 - Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA; THCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Hồng Chương